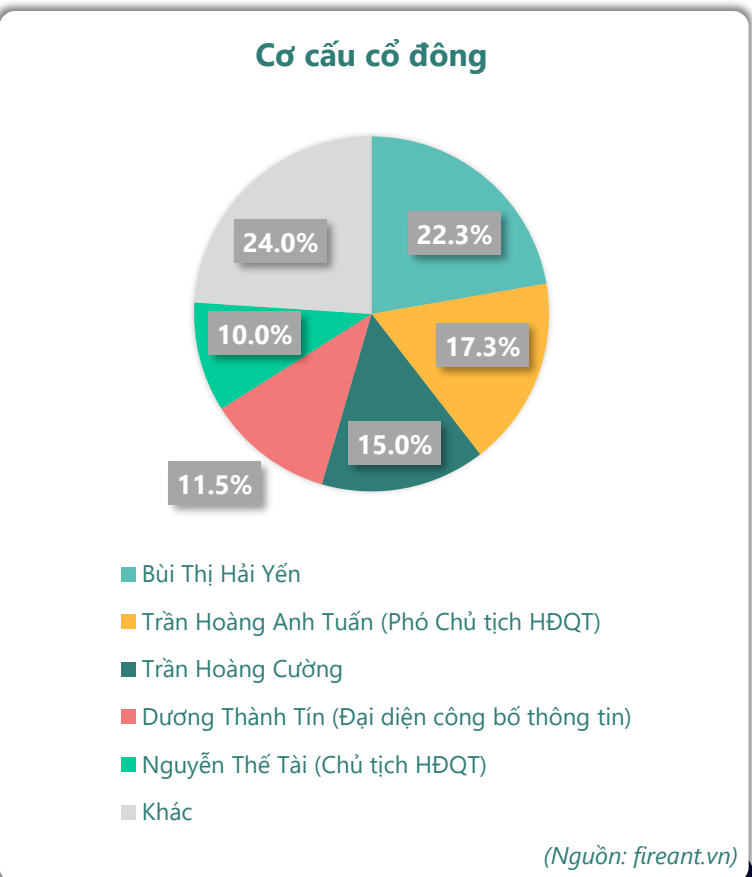
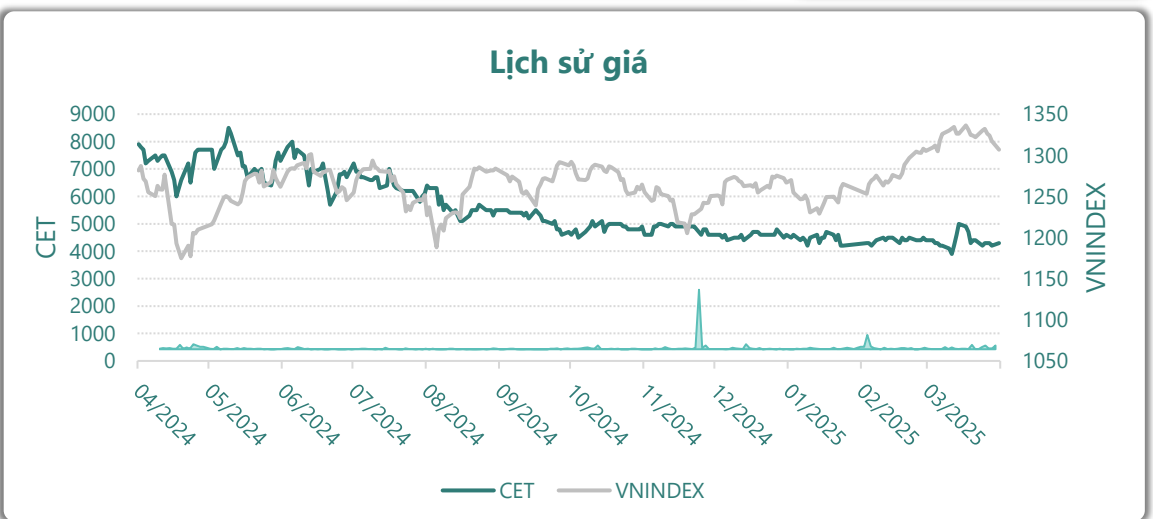
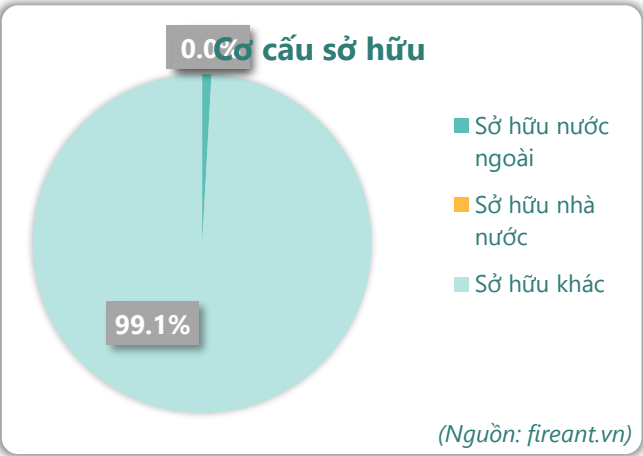


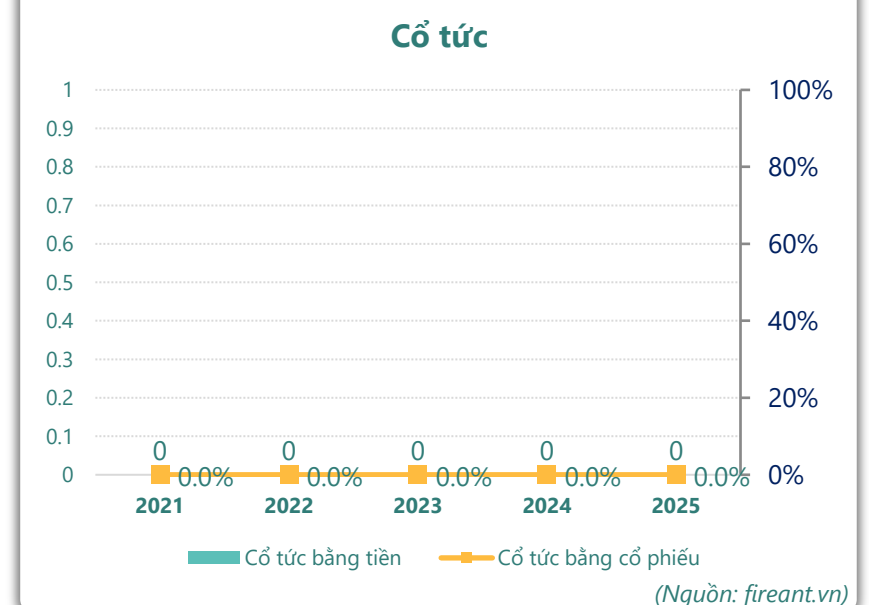
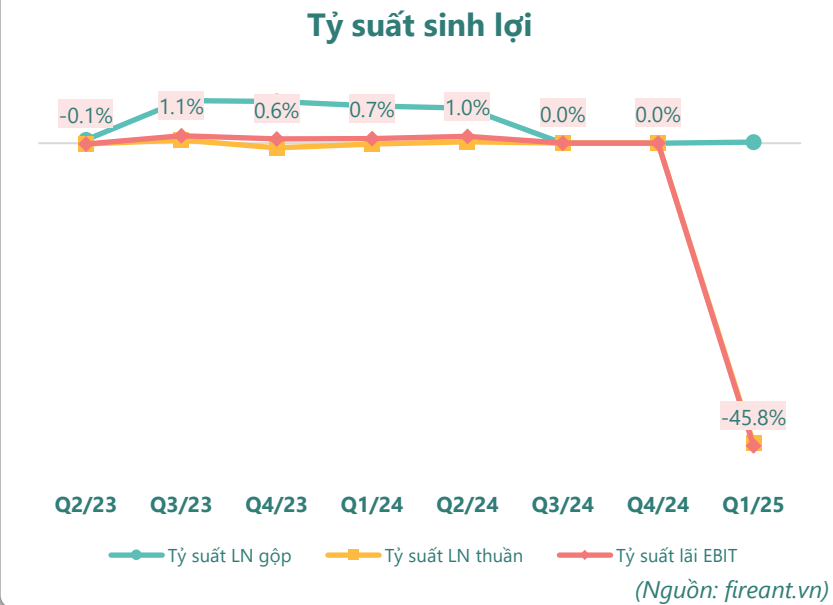
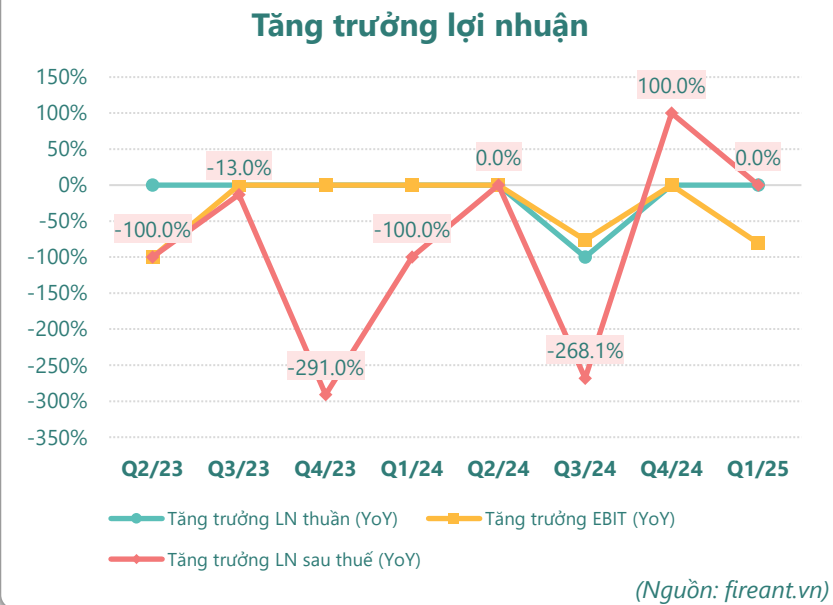
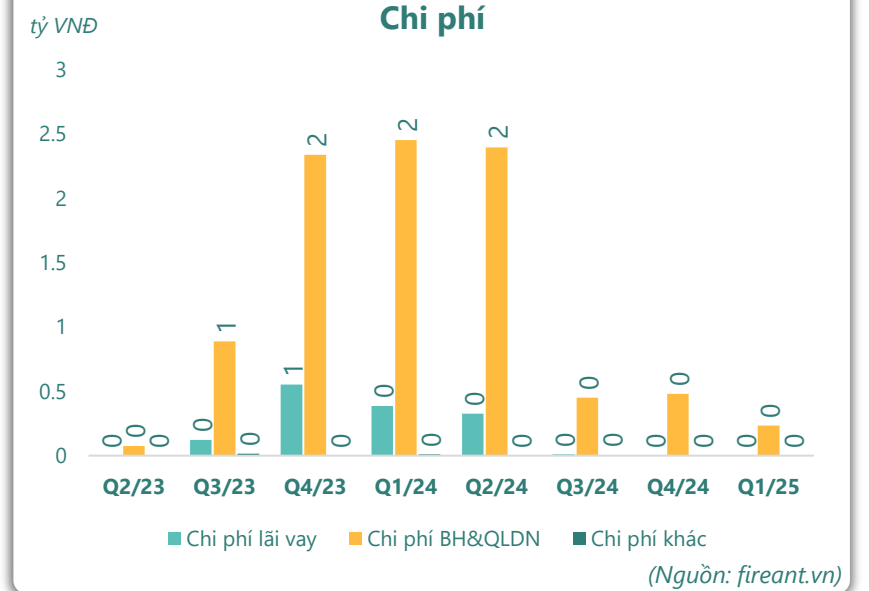
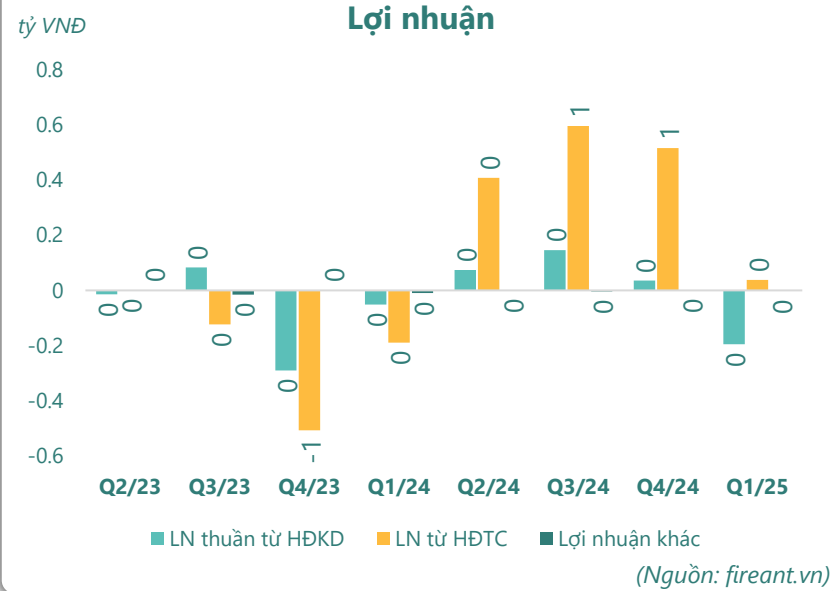
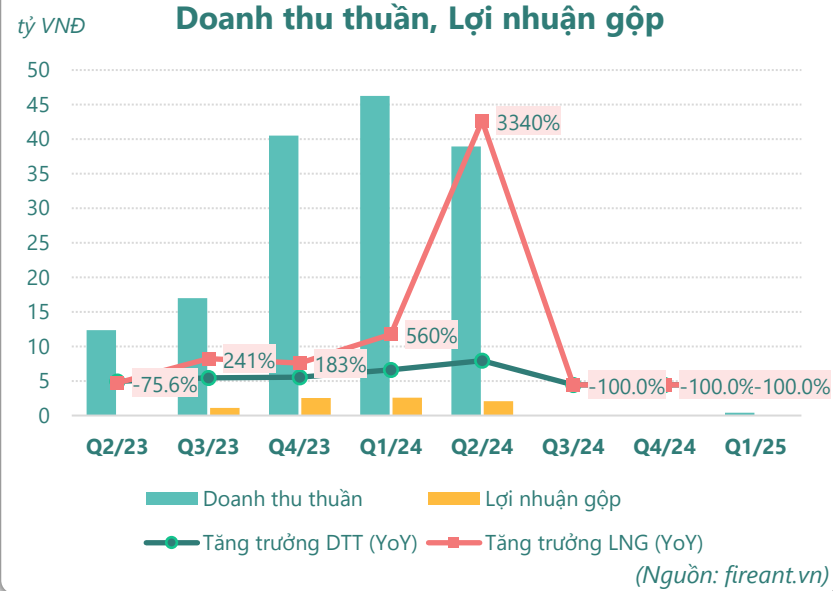
CTCP HTC Holding

Ngày 31/03/2025	4,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-6.5%	-6.5%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	3,900 - 8,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	26
Số lượng CPLH (CP)	6,050,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	26,480
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	0.19
EPS	-12
P/E	-367.7



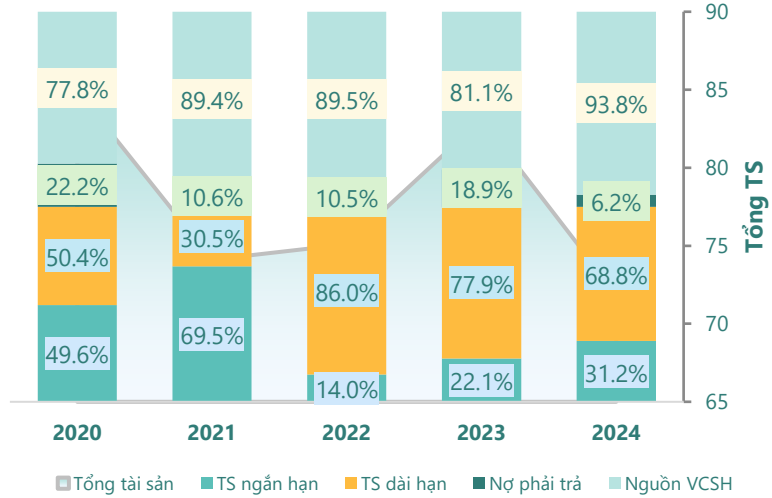
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

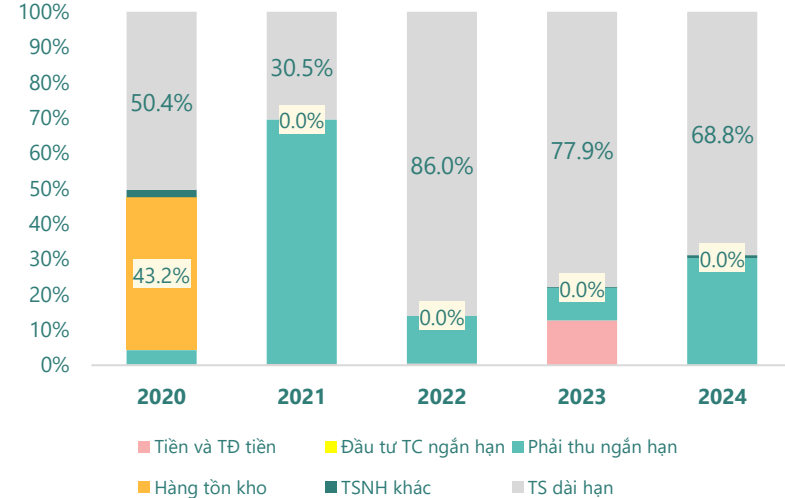
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

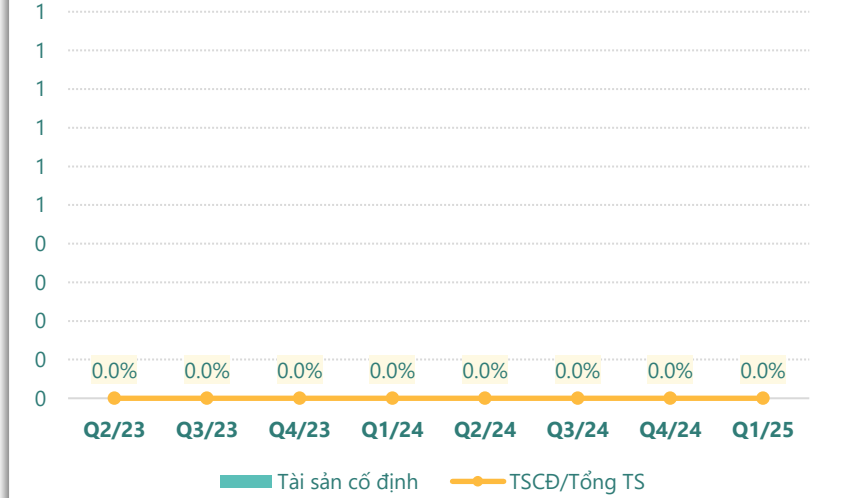
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

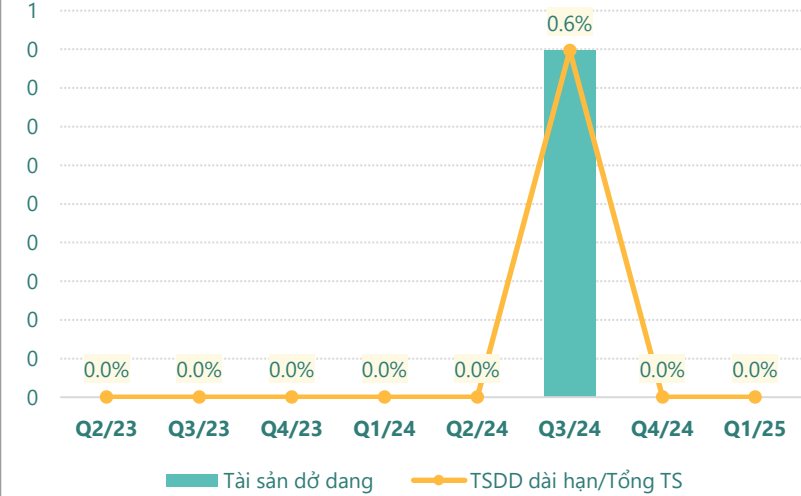
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

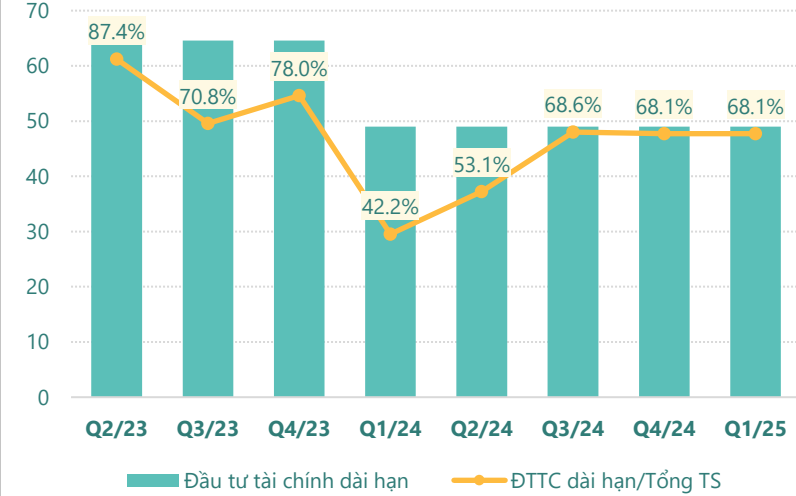
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

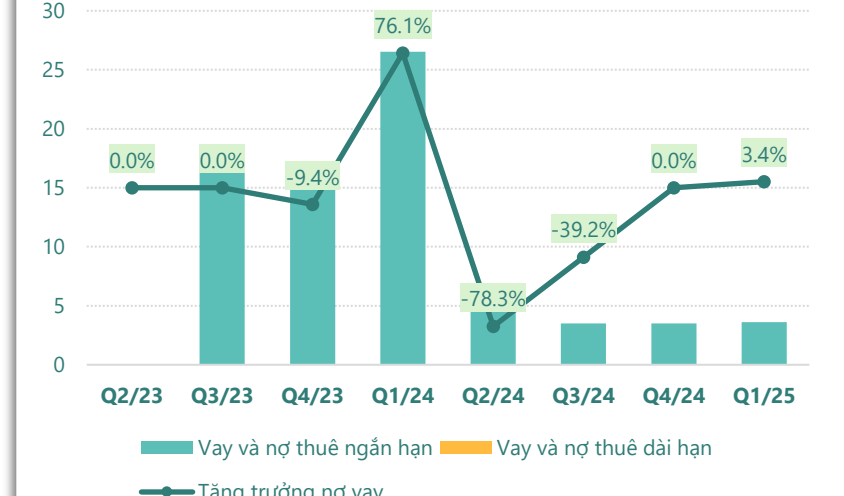
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

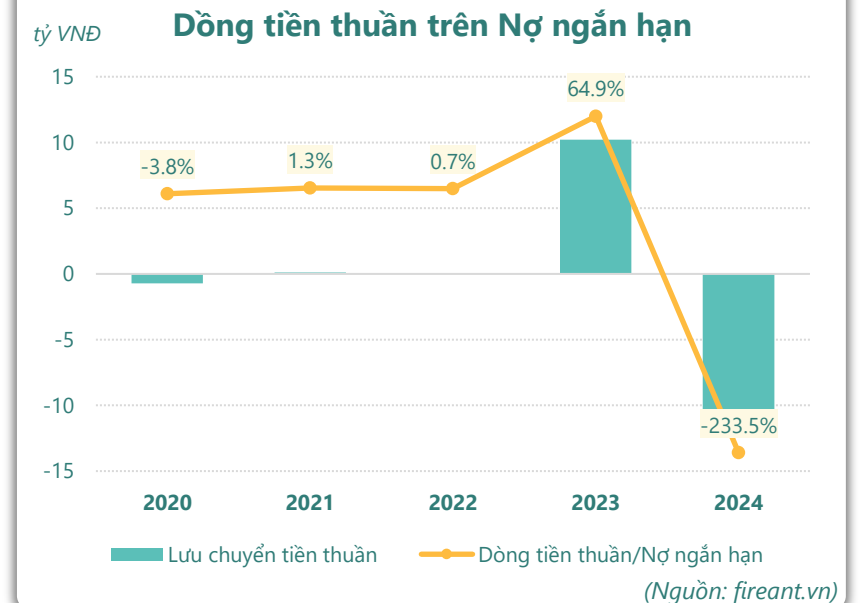
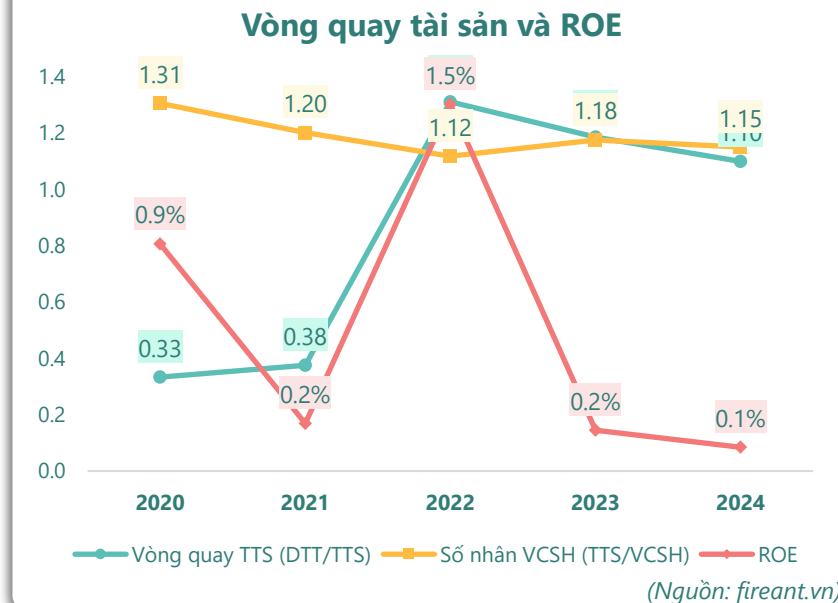
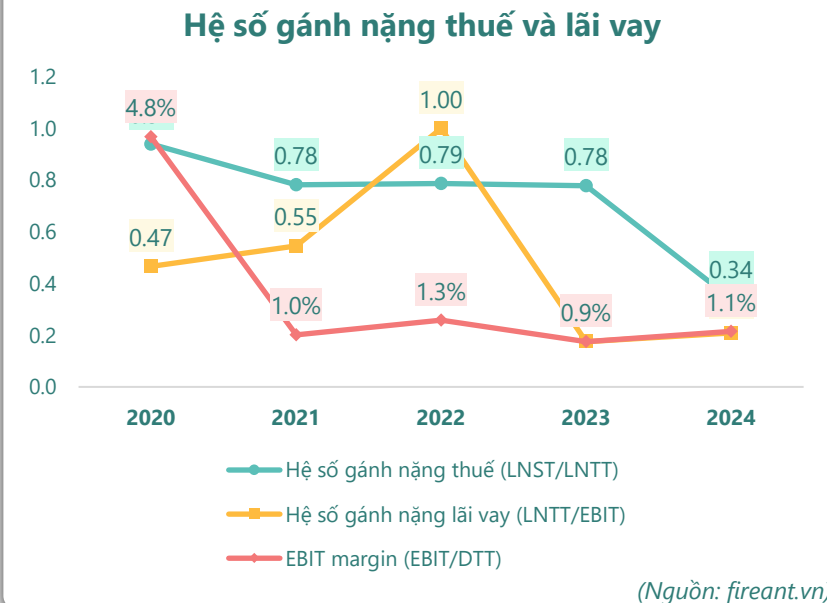
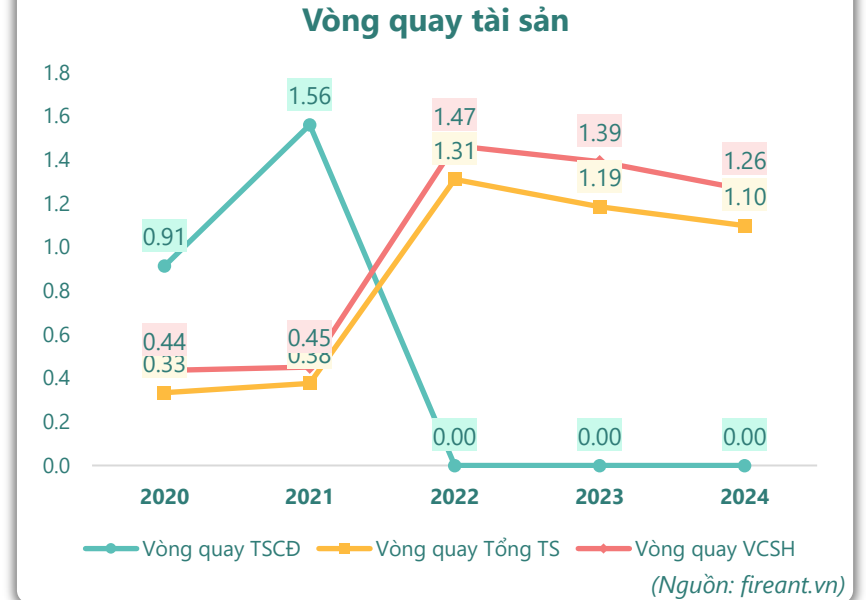
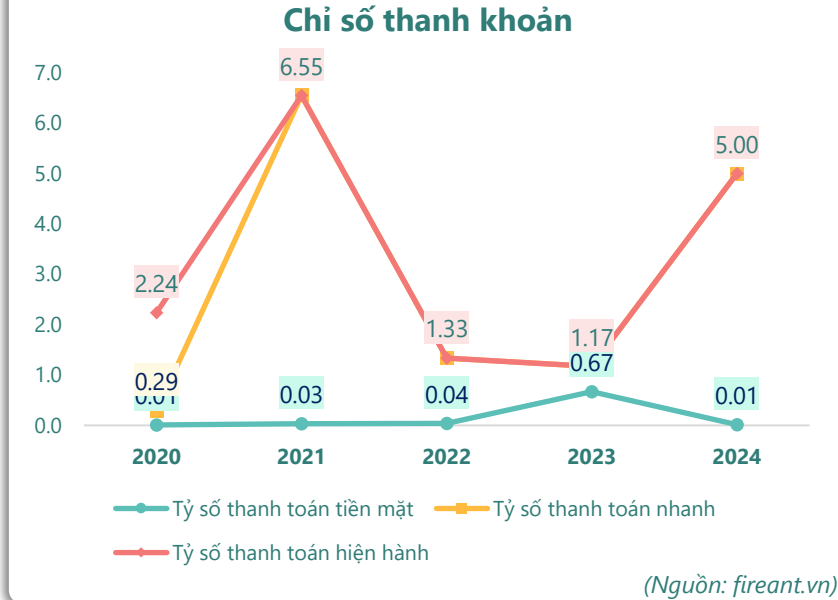
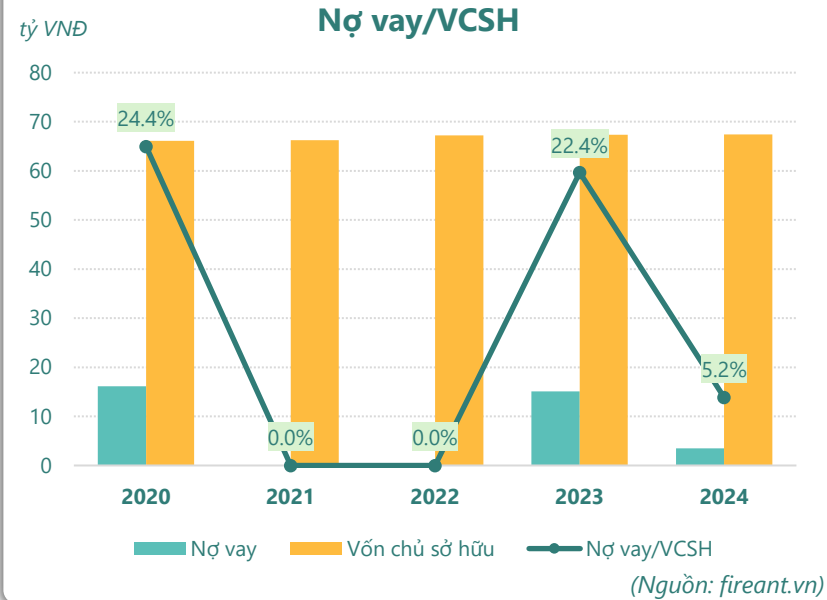
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	0.43	46.2	-99.1%	85.2	93.7	-9.1%
Giá vốn hàng bán	0.43	43.7	-99.0%	80.6	89.6	-10.1%
Lợi nhuận gộp	0.00	2.59	-100.0%	4.66	4.11	13.5%
Doanh thu HĐTC	0.04	0.30	-87.2%	2.16	0.26	737%
Chi phí TC	0	0.49	-100%	0.83	0.68	21.7%
Chi phí lãi vay	0	0.39	-100%	0.72	0.68	6.8%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	1.91	-100%	3.60	2.95	21.8%
Chi phí QLDN	0.24	0.55	-57.2%	2.19	0.57	284%
LN thuần từ HĐKD	-0.20	-0.05	-292%	0.20	0.16	26.8%
Lợi nhuận khác	0.00	-0.01	81.3%	-0.01	-0.02	23.3%
LN trước thuế	-0.20	-0.06	-230%	0.19	0.14	33.1%
Lợi nhuận sau thuế	-0.20	-0.06	-230%	0.07	0.11	-41.6%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.20	-0.06	-230%	0.07	0.11	-41.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.61	-15.6	38.0	-18.4	-0.53	0.96
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	15.6	0.01	-18.4	0.45	18.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.57	11.5	-20.8	-2.25	0	0.12
Tiền đầu kỳ	11.3	10.5	22.0	39.2	0.15	0.06
Lưu chuyển tiền thuần	-0.96	11.5	17.2	-39.0	-0.08	19.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	10.3	22.0	39.2	0.15	0.06	19.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	71.9	71.9	0.0%
Tài sản ngắn hạn	22.9	22.4	2.3%
Tiền và tương đương tiền	19.1	0.06	30899%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	2.71	21.8	-87.5%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	1.05	0.57	85.1%
Tài sản dài hạn	49.0	49.5	-1.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	49.0	49.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0	0.50	-100%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4.69	4.48	4.6%
Nợ ngắn hạn	4.69	4.48	4.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.62	3.50	3.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.38	0.10	272%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	67.2	67.4	-0.3%
Vốn chủ sở hữu	67.2	67.4	-0.3%
Vốn điều lệ	60.5	60.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

